

Số: /BKHCN-KHTC

V/v góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKCN-BTC hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty.

Ngày 17/10/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2014/2014/NĐ-CP quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó tại Điều 10 và Điều 11 quy định về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Ngày 28/6/2016, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết số 11/2022/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKCN-BTC hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

Đề nghị Quý đơn vị có ý kiến tham gia cụ thể vào nội dung tại dự thảo Thông tư nêu trên để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp hướng dẫn kịp thời.

Ý kiến tham gia xin gửi bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi file vào địa chỉ hòm thư nhvan@most.gov.vn trước ngày 08 tháng 3 năm 2022.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan, đơn vị./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tin xin ý kiến);
- Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN (để đăng tin xin ý kiến)
- Lưu: VT, KHTC.

**Lê Xuân Định**

**Dự thảo**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT/BKHHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp**

*Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Vụ Kế hoạch – Tài chính và Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT/BKHHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp**

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và tổ chức, doanh nghiệp ngoài nước thực hiện hợp tác nghiên cứu” là các tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có chức năng, nhiệm vụ, năng lực phù hợp chuyên ngành cần hợp tác nghiên cứu.”

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 2 như sau:

“3. Cá nhân trong nước và cá nhân ngoài nước thực hiện hợp tác nghiên cứu” là các cá nhân có trình độ và năng lực nghiên cứu khoa học, hoặc có trình độ và năng lực chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ, hoặc có tiềm lực tài chính.”

3. Bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 2 như sau:

“4. “Sản phẩm mới” là hàng hóa và dịch vụ có sự khác biệt đáng kể về tính hoặc mục đích sử dụng so với các sản phẩm do công ty sản xuất trước đó.

5. “Công nghệ mới” là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra hoặc ứng dụng tại Việt Nam hoặc trên thế giới, có trình độ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, thân thiện với môi trường, có tính ứng dụng trong thực tiễn và khả năng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

6. “Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” là hoạt động khai thác, hoàn thiện, ứng dụng, chuyển giao, hoạt động khác có liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm mục đích thu lợi nhuận.

7. “Ươm tạo công nghệ” là quá trình nhằm tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc từ công nghệ chưa hoàn thiện thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.

8. “Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ” là quá trình hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.

9. “Giải mã công nghệ” là quá trình tìm nguyên lý công nghệ thông qua nghiên cứu, phân tích cấu trúc, thiết kế, chức năng và hoạt động của một thiết bị, đối tượng, hệ thống cần giải mã nhằm bảo trì, khai thác, cải tiến hoặc tạo ra thiết bị, đối tượng, hệ thống mới có tính năng tương đương hoặc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.”

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 như sau: “2. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, kế hoạch thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ bao gồm cả chi hoạt động quản lý Quỹ. Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp bao gồm hoạt động khoa học và công nghệ của viện nghiên cứu trực thuộc, công ty thành viên hạch toán độc lập hoặc kê khai, nộp và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp riêng, công ty con trong trường hợp sử dụng Quỹ của tổng công ty, công ty mẹ.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Quản lý và sử dụng Quỹ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (bao gồm cả hoạt động khoa học và công nghệ của công ty thành viên hạch toán độc lập hoặc kê khai, nộp và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp riêng, công ty con trong trường hợp là Quỹ của tổng công ty, công ty mẹ) theo kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ đã được phê duyệt. Đơn vị nhận Quỹ phát triển khoa học và công nghệ điều chuyển có trách nhiệm quản lý, sử dụng Quỹ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.”

6. Sửa đổi khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí của Quỹ. Đối với doanh nghiệp nhà nước, việc kiểm tra, tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động và sử dụng Quỹ tại công ty con thực hiện theo quy định về công tác giám sát tại Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp là người có kinh nghiệm về quản lý doanh nghiệp, chiến lược phát triển kinh doanh, tài chính và trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ mà nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất giải quyết.

Thành phần Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đánh giá xét chọn hoặc nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đảm bảo có tối đa 50% số thành viên không công tác tại cơ quan chủ trì nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 02 thành viên là các chuyên gia có uy tín, trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ được giao tư vấn, thành viên còn lại là các nhà quản lý của doanh nghiệp.

Trong trường hợp thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp không đủ năng lực, doanh nghiệp có thể thuê chuyên gia để tham gia đánh giá.

Số lượng thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ được quyết định căn cứ theo quy mô, mức độ phức tạp của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng tối thiểu là 05 thành viên.”

8. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp công khai minh bạch, độc lập, khách quan. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng phải chịu trách nhiệm thẩm định và tư vấn về nội dung phân công theo chức năng, chuyên môn của mình.”

9. Sửa đổi khoản 5 Điều 6 như sau:

“5. Quy trình đánh giá xét chọn, thẩm định nội dung, kinh phí và đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo 2 bước gồm thẩm định về nội dung chuyên môn và thẩm định về dự toán kinh phí sau khi đã

điều chỉnh về quy mô, phương pháp, mục tiêu, kết quả và thời gian theo kết luận của bước 1. Quy trình đánh giá xét chọn, thẩm định nội dung, kinh phí và đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.”

10. Sửa đổi điểm c, điểm d và điểm đ khoản 2 điều 7 như sau:

“c) Quy định về dự toán chi cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp xây dựng, quyết định ban hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật;

d) Dự toán chi cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở dự tính chi phí cần thiết hợp lý cho hoạt động nghiên cứu hoặc áp dụng định mức của doanh nghiệp đối với các nội dung chi phù hợp. Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoản chi từng phần đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và được quyền áp dụng theo quy định của Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT/BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung có liên quan;

đ) Căn cứ thuyết minh và dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quyền chủ động phê duyệt kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ thuộc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”

11. Sửa đổi khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp: Xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp và thống kê về hoạt động khoa học và công nghệ; chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ; chi khác phục vụ phát triển khoa học và công nghệ; các hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp.

Việc đầu tư xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp và thống kê về hoạt động khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo quy trình và thủ tục được quy định tại Điều 24 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.”

12. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình

công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; giống cây trồng; kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Các công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép chuyển giao công nghệ.

Việc mua quyền sử dụng, quyền sở hữu thực hiện dựa trên các cơ sở sau:

a) Báo giá của cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng, quyền sở hữu các tài sản nói trên;

b) Chứng thư thẩm định giá đối với mua quyền sử dụng, quyền sở hữu công nghệ của cơ quan thẩm định giá được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động (nếu có);

c) Hợp đồng mua bán hoặc Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu giữa doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng, quyền sở hữu với các quy định về giá và phương thức thanh toán thực hiện theo quy định của Điều 4 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Các chi phí phát sinh trong quá trình mua quyền sở hữu, quyền sử dụng nêu tại khoản này được tính vào giá trị tài sản.”

13. Sửa đổi khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Mua máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp.

Việc đầu tư mua máy móc, thiết bị đối với các doanh nghiệp Nhà nước được thực hiện theo quy trình và thủ tục được quy định tại Điều 24 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.”

14. Sửa đổi khoản 7 Điều 8 như sau:

“7. Các khoản chi nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu tạo ra sản phẩm mới nhưng sản phẩm mới không tiêu thụ được hoặc các nhiệm vụ này không tiếp tục triển khai và được Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp xác định vì nguyên nhân khách quan.”

15. Bổ sung Điều 8a như sau:

**“Điều 8a. Hỗ trợ thực hiện các hoạt động theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ:**

1. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.

Việc thực hiện hỗ trợ căn cứ theo các quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Căn cứ xác định việc hỗ trợ dựa trên các hồ sơ, tài liệu sau:

- Dự án đầu tư đã được phê duyệt theo quy định.
- Hợp đồng hỗ trợ có hiệu lực pháp lý.

2. Đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

a) Hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư được thực hiện trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp và tuân theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thực hiện thông qua các hình thức: (i) Góp vốn thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; (ii) Mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; (iii) Góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; (iv) Hợp tác kinh doanh;

c) Việc thực hiện các hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo các hình thức được quy định tại Điểm b được căn cứ theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định khác có liên quan;

d) Hình thức góp vốn, mua cổ phần và hợp tác kinh doanh quy định tại Điểm a được áp dụng các quy định có liên quan của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư;

đ) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của Điều 28 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Điều 21 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 12 Điều 2 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

3. Đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Mua quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ; mua phần mềm phục vụ nghiên cứu, thiết kế, mô phỏng; nhập khẩu công nghệ, máy móc thiết bị, sản phẩm mẫu để nghiên cứu, làm chủ, phát triển và tạo ra công nghệ theo hợp đồng đã ký kết; được hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều này;

b) Thuê chuyên gia tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ; thực hiện nội dung đánh giá, định giá công nghệ; nghiên cứu, đổi mới, hoàn thiện các quy trình công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ; thử nghiệm, phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đến khi hoàn thành sản phẩm lô số không;

c) Mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị đo kiểm, phân tích trong quá trình thử nghiệm và sản xuất sản phẩm lô số không của dây chuyền công nghệ;

d) Các hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 7, Điều 12 và Điều 18 của Luật Chuyển giao công nghệ.

4. Giải mã công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ.

a) Đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ gồm: Đầu tư cho phòng thí nghiệm, phân tích mẫu, mô hình hóa và mô phỏng, kiểm chuẩn, xưởng chế thử, kiểm nghiệm và tạo mẫu.

Việc đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ của các doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo quy trình và thủ tục được quy định tại Điều 24 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

b) Hoạt động giải mã công nghệ được thực hiện với các nội dung chi như các nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp và bổ sung các nội dung chi có tính đặc thù như sau:

- Mua sắm, nhập khẩu vật mẫu (sản phẩm, công nghệ, thiết kế, thiết bị, hệ thống cần được giải mã) phục vụ hoạt động giải mã công nghệ;

- Thuê chuyên gia thực hiện hoạt động tư vấn, tìm kiếm, hỗ trợ kỹ thuật, lao động kỹ thuật phục vụ hoạt động giải mã công nghệ;

- Thuê sử dụng hoặc mua sắm hệ thống các phòng thí nghiệm, đo lường, thử nghiệm, đánh giá tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ hoạt động giải mã công nghệ;

5. Thuê tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để tư vấn, quản lý hoạt động đầu tư của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo hợp đồng giữa các bên.

6. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp bao gồm:

Đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, tìm kiếm công nghệ; đàm phán và chuyển giao công nghệ; kỹ năng vận hành, khai thác hiệu quả các công nghệ; thích nghi, cải tiến công nghệ, giải mã công nghệ; bồi dưỡng chuyên sâu về thiết kế, phát triển sản phẩm dựa trên công nghệ và nội dung khác phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ để thực hiện các hoạt động đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp: Báo giá của cá nhân, tổ chức

cung cấp dịch vụ; kế hoạch và dự toán cho hoạt động đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.”

16. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Căn cứ vào chiến lược phát triển của doanh nghiệp đã được phê duyệt, doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ và dự toán cho hoạt động đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ 5 năm và hàng năm của doanh nghiệp.”

17. Sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 9 như sau:

“4. Căn cứ để thực hiện các hoạt động đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ: Báo giá của cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ; kế hoạch và dự toán cho hoạt động đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.”

18. Bổ sung điểm a khoản 2 Điều 10 như sau:

“- Hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong nước và ngoài nước bao gồm: hội nghị; hội thảo; tổ chức và tham gia các cuộc thi liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tham gia các hiệp hội, mạng lưới, tổ chức liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;”

19. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“b) Đối với hình thức đặt hàng nghiên cứu khoa học cho các tổ chức nghiên cứu và triển khai nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ này thực hiện quy trình xét chọn, thẩm định nội dung và kinh phí, đánh giá nghiệm thu theo quy định của Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.”

20. Sửa đổi tên Điều 11 như sau:

**“Điều 11. Chi phục vụ hoạt động quản lý Quỹ”**

**Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022 và áp dụng cho việc quản lý và sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022.

2. Đối với các doanh nghiệp đã thành lập Quỹ và trích lập quỹ theo các văn bản quy phạm pháp luật trước đây, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các quy định về quản lý và sử dụng Quỹ được thực hiện theo quy định của Thông tư này.

3. Nội dung hướng dẫn về thuế, quản lý tài chính của Quỹ và quản lý tài sản hình thành từ Quỹ thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./.

## **BỘ TRƯỞNG**

### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng BCD phòng chống tham nhũng TW;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở KH&CN, Sở TC, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ, Bộ KH&CN;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: Bộ KH&CN (VT, Vụ KH-TC).